

Dự thảo

THÔNG TƯ

Quy định về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi đối với người lao động làm các công việc có tính chất đặc biệt trong lĩnh vực bảo đảm an toàn hàng hải

Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Bộ luật lao động số 45/2019/QH14 ngày 20 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ Luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động;

Căn cứ Nghị định số 33/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ và Cục trưởng Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam sau khi thống nhất với Bộ Nội vụ;

Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Thông tư quy định về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi đối với người lao động làm các công việc có tính chất đặc biệt trong lĩnh vực bảo đảm an toàn hàng hải.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi đối với người lao động làm các công việc có tính chất đặc biệt trong lĩnh vực bảo đảm an toàn hàng hải.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Người sử dụng lao động là doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có thuê mướn sử dụng lao động trong lĩnh vực bảo đảm an toàn hàng hải.

2. Người lao động làm công việc phải thường trực 24/24 giờ, công việc trên biển, trên luồng hàng hải để vận hành đèn biển, đăng tiêu độc lập; vận hành bảo trì hệ thống luồng hàng hải công cộng thuộc danh mục nghề, công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm do cấp có thẩm quyền ban hành.

Chương II

THỜI GIỜ LÀM VIỆC, THỜI GIỜ NGHỈ NGƠI

Điều 3: Thời giờ làm việc

Thời giờ làm việc không quá 06 giờ trong 01 ngày đối với người lao động làm các công việc phải thường trực 24/24 giờ, công việc trên biển, trên luồng hàng hải để vận hành đèn biển, đăng tiêu độc lập; vận hành bảo trì hệ thống luồng hàng hải công cộng thuộc danh mục nghề, công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm do cấp có thẩm quyền ban hành.

Điều 4. Làm thêm giờ

1. Thời gian làm thêm giờ là khoảng thời gian làm việc ngoài thời giờ làm việc quy định tại Điều 3 Thông tư này.

2. Bảo đảm tổng số giờ làm việc của ca làm việc và số giờ làm thêm không quá 12 giờ trong 01 ngày; số giờ làm thêm không quá 300 giờ trong 01 năm.

3. Việc tổ chức làm thêm giờ phải được sự đồng ý của người lao động và tuân thủ quy định tại Điều 59 và Điều 62 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện và quan hệ lao động.

4. Việc tổ chức làm thêm giờ trong trường hợp đặc biệt tuân thủ quy định tại Điều 108 Bộ luật Lao động.

Điều 5. Nghỉ trong giờ làm việc

Nghỉ trong giờ làm việc tuân thủ quy định tại Điều 109 Bộ luật lao động.

Điều 6. Nghỉ chuyển ca; Nghỉ hằng tuần; Nghỉ lễ, tết; Nghỉ hàng năm; Nghỉ việc riêng, nghỉ không hưởng lương

Tuân thủ theo quy định tại Điều 110, Điều 111, Điều 112, Điều 113, Điều 115 Bộ luật Lao động.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 7. Trách nhiệm của người sử dụng lao động

1. Quy định cụ thể ca làm việc, thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi của người lao động trong nội quy lao động của đơn vị và thông báo cho người lao động theo quy định của pháp luật.

2. Hàng năm, báo cáo Bộ Xây dựng theo định kỳ trước ngày 15 tháng 01 và báo cáo đột xuất trong trường hợp có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền về tình hình thực hiện các quy định tại Thông tư này.

Điều 8. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2025.
2. Vụ Tổ chức cán bộ có trách nhiệm giám sát, kiểm tra quá trình thực hiện các quy định tại Thông tư này.
3. Trong quá trình thực hiện, nếu có gì vướng mắc, các tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Xây dựng để xem xét, giải quyết theo thẩm quyền./.

Nơi nhận:

- Bộ trưởng (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các Thứ trưởng Bộ Xây dựng;
- Cục Kiểm soát thủ tục hành chính (VPCP);
- Cục KTVB và Quản lý XPVPHC (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ XD;
- Báo Xây dựng, Tạp chí XD;
- Lưu: VT, Vụ TCCB (10).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Xuân Sang